

Bản án số: **34/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/8 /2019
V/v: “*Ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phạm Lê Thụy
2. Ông: Phạm Văn Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: ông Thanh Lê Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29a ngày 02/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn K2, xã K, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn K1, xã K, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị A trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Vào tháng 02 năm 2017 bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Văn U tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện W, tỉnh Bình Thuận, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới bà A và ông

U không sống chung với nhau, bà A vẫn sống cùng cha mẹ bà tại thôn K2, xã K, huyện W đến khi sinh con, còn ông U sống cùng cha mẹ ông tại thôn K1, xã K. Mặc dù vợ chồng không sống chung nhưng ông U vẫn thường xuyên lui tới thăm nom vợ con.

Đến tháng 7 năm 2017, bà A chuyển về sống cùng với ông U tại nhà cha mẹ chồng. Trong thời gian sống chung, ông U không quan tâm chăm lo đến cuộc sống gia đình, thường say sưa và có lúc đánh bà. Mặc dù sống cùng cha mẹ chồng nhưng giữa bà A và mẹ chồng không hòa thuận được với nhau, thường hay mâu thuẫn về kinh tế gia đình, bà A có đề cập vấn đề này cho ông U hay sự việc và đề nghị vợ chồng ra sống riêng nhưng ông U không đồng ý. Tình trạng mâu thuẫn gia đình giữa vợ và chồng, giữa bà A với mẹ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên đến tháng 10 năm 2018 bà A cùng con trở về nhà cha mẹ bà tại thôn K2 sinh sống cho đến nay. Từ đó bà A và ông U ly thân, trong thời gian này ông U cũng không quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc cuộc sống bà và con.

Nay bà Phạm Thị A yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U vì sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Văn U có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Thu B, sinh ngày 12/4/2017. Từ khi bà và ông U không còn sống chung với nhau, bà trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thu B. Sau khi ly hôn bà Phạm Thị A yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thu B, sinh ngày 12/4/2017 cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: trong đơn khởi kiện, bà A yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà A thay đổi yêu cầu. Bà A không yêu cầu ông U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: bà Phạm Thị A không yêu cầu xem xét, giải quyết.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn U* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn U bất hợp tác không nhận, không hợp tác khi Tòa triệu tập nên Tòa không ghi nhận lời khai của ông và ông cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị A đối với ông Nguyễn Văn U và giao

con chung Nguyễn Thị Thu B, sinh ngày 12/4/2017 cho bà A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn U có nơi cư trú tại Thôn K1, xã K, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản, thủ tục tố tụng cho bị đơn nhưng không thực hiện được việc tổng đạt do bị đơn ông Nguyễn Văn U không hợp tác ký nhận bất kỳ giấy tờ Tòa án tổng đạt nên Tòa đã thực hiện việc niêm yết công khai các thủ tục tố tụng đúng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn U vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn U.

[3] Về nội dung:

- *Về Hôn nhân*: Bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Văn U xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà A và ông U là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tranh chấp dẫn tới sự việc ông U có hành vi bạo lực gia đình đối với bà A mà nguyên nhân bà A cho rằng do ông U không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ cuộc sống trong gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nên từ tháng 10 năm 2018 vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã ra các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự biết để tạo điều kiện cho bà A và ông U hàn gắn tình cảm nhưng ông U vẫn lẩn tránh, vắng mặt chứng tỏ tình nghĩa vợ chồng không còn. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị A vẫn kiên quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã đến mức trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị A.

- *Về con chung*: Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi A và ông U ly thân cho đến nay, bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thu B (sinh ngày 12/4/2017) và hiện nay cháu B dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, giao cháu Nguyễn Thị Thu B (sinh ngày 12/4/2017) cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Phạm Thị A không yêu cầu ông Nguyễn Văn U cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- *Về tài sản và nợ chung*: trong quá trình giải quyết bà A trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, bà A là người có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51; Điều 56; khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị A. Bà Phạm Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

2/ Về con chung: giao con chung Nguyễn Thị Thu B (sinh ngày 12/4/2017) cho bà Phạm Thị A tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Nguyễn Thị Thu B đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động, có tài sản riêng để tự nuôi bản thân.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị A không yêu cầu ông Nguyễn Văn U cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: bà Phạm Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Phạm Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Phạm Thị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0025959 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Phạm Thị A đã nộp đủ án phí.

5/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/8/2019). Đối với Bị đơn ông Nguyễn Văn U vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã K
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Hải Âu

